

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
***Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***

Bản án số: 18/2020/HC-PT

Ngày: 30/ 6/2020

V/v: Khiếu nại Quyết định hành chính  
lĩnh vực đất đai và yêu cầu bồi thường  
thiệt hại

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quảng O

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng L  
Bà Nguyễn Thị Kiều Tr

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Chữ Thị Bích L - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân TP Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:**

Ông Nguyễn Trần T - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 01/2020/HC-PT ngày 07/01/2020 về việc khiếu nại quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại do quyết định hành chính gây ra, do bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HCST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Q bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐPT-HC ngày 24/2/2020, giữa các đương sự:

\* Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị T sinh năm 1964

Cư trú tại: Xóm T, thôn P, xã N, huyện Q, thành phố H.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Trung T, sinh năm 1980

Cư trú tại: Phòng 1114 - CT6B, chung cư và thương mại B, Kiến H, quận Hà Đ, thành phố H (theo giấy ủy quyền ngày 12/01/2019).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T : Luật sư Nguyễn Quang T, Công ty Luật TNHH P, Đoàn Luật sư thành phố H.

\* Người bị kiện: Chủ tịch UBND xã N, huyện Q, thành phố H.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T - Phó chủ tịch UBND xã N (theo giấy ủy quyền ngày 24/02/2020).

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Khắc N sinh năm 1962 (là chồng bà T )

HKTT: Thôn P, xã N, huyện Q , thành phố H

Hiện ở tại: No.4 JALAN SILAT HARIMAU 21 TAMAN INDUSTRI JAYA 81300 SKUDAI, JOHOR MALAYSIA.

Ông Nam ủy quyền cho bà: Nguyễn Thị T (theo văn bản ủy quyền ngày 01/8/201).

\* Người làm chứng: Bà Doãn Thị T, sinh năm 1956

Cư trú tại: Xóm Đầu Làng, thôn P, xã N, huyện Q , thành phố H .

(Bà T , ông T và Luật sư T có mặt tại phiên tòa)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo nội dung án sơ thẩm, bà Nguyễn Thị T người khởi kiện yêu cầu Tòa án huyện huyện Q hủy 02 quyết định hành chính đều do Chủ tịch UBND xã N ban hành và một số yêu cầu khác, cụ thể:

1. Hủy Quyết định số 161/QĐ-KPHQ ngày 24/11/2017 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 188/QĐ-CCXP ngày 09/12/2017 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND xã N ;

2. Yêu cầu UBND xã N bồi thường thiệt hại do các quyết định trên gây ra, gồm:

- Bồi thường tài sản trên đất mức yêu cầu là 312.000.000 đồng (ba trăm mười hai triệu đồng);

- Bồi thường thu nhập cho thuê lại trong 09 tháng kể từ ngày 24/11/2017 đến ngày sửa đổi đơn khởi kiện, mức yêu cầu 9.000.000 đồng (chín triệu đồng);

- Bồi thường thiệt hại đối với quyền sử dụng đất, đề nghị bố trí tái định cư theo khoản 5 Điều 10 Nghị định 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ;

3. Yêu cầu cập nhật lại hồ sơ địa chính, khôi phục đúng tên người sử dụng đất ban đầu là bà Nguyễn Thị T ;

4. Yêu cầu xác định quan hệ pháp luật giữa bà T và UBND xã N là quan hệ cho thuê đất thu tiền thuê một lần là hợp pháp. Yêu cầu xem xét trách nhiệm pháp lý khi UBND xã N chấm dứt việc cho thuê đất.

Lý do khởi kiện: Thừa đất mang tên bà Nguyễn Thị T vào năm 1994 bản đồ địa chính và sổ mục kê khai thể hiện là đất nằm trong Dê Ng thôn P, phần đất này là đất công, nằm giữa hành lang giao thông và hành lang thủy lợi và không có số thửa, số tờ.

Nghị quyết ngày 25/7/1995 của Hội đồng nhân dân xã N khóa 15, kỳ họp thứ 3 về việc cho thuê đất Dê Ngòi, N, D, P để làm dịch vụ kinh doanh.

Ngày 16/5/1998 bà T làm đơn xin thuê đất với nội dung năm 1994 bà T thuê đất của UBND xã, nay xin được coi nổi, sửa chữa và thuê lâu dài. Ngày 25/5/1998 Thường trực Đảng ủy xã nhất trí đề UBND xã xem xét cho gia đình bà T tiếp tục sửa chữa và thuê lâu dài, thu tiền 01 lần. Ngày 28/5/1998 Chủ tịch UBND xã N đã đồng ý cho gia đình bà T tiếp tục thuê 72m<sup>2</sup> và nộp lệ phí 01 lần là 10.000.000 đồng (bà T đã nộp tiền trước vào ngày 15/8/1998). Từ thời điểm đó gia đình bà T đã xây dựng công trình nhà kiên cố kinh doanh đến tháng 12/2017.

Ngày 12/10/1998, Thường vụ Đảng ủy họp mở rộng bàn một số công việc trong đó có bàn đến việc ông Nguyễn Anh T, Chủ tịch UBND xã đã đề xuất việc cho gia đình ông Nguyễn Khắc N chồng bà Nguyễn Thị T thuê lâu dài miếng đất Dê Ngòi, P làm dịch vụ và bán tạp hóa lâu dài.

Qua bàn bạc đi đến thống nhất: Giao UBND xã N làm hợp đồng cho gia đình ông Nguyễn Khắc N thuê lâu dài để kinh doanh dịch vụ, với diện tích đất cho thuê là 72m<sup>2</sup> lệ phí nộp một lần vào ngân sách là 12 triệu đồng.

Tháng 12/1998, Hội đồng nhân dân xã N đã họp thông qua kết quả thực hiện nhiệm vụ KTXH và NS năm 1998. Xây dựng kế hoạch phát triển KTXH năm 1999 đã không nhất trí cho bà T thuê đất tại khu Dê Ngòi thôn Phú M vì vượt quá thẩm quyền theo quy định Điều 23 Luật đất đai năm 1993 và Điều 6 Nghị định số 85/CP ngày 17/12/1996 nên số tiền của bà T nộp không thể nộp vào ngân sách nhà nước. Vì vậy, kế toán xã N chi hạch toán dưới dạng thu vay, tại phiếu thu số 90 ngày 23/9/1999 với nội dung: Vay của chị T xóm Trại (trả tiền TTH Phú M) số tiền là 10.000.000 đồng, UBND xã N đã nhiều lần gọi bà T lên nhận tiền song bà T không nhận. Tiền đó chuyển tiền công nợ của xã và có hạch toán hàng năm.

Năm 2001 UBND xã N ban hành văn bản số 18TL/UB ngày 20/4/2001 về việc: “Đất làm quán của gia đình bà T, Nam xây dựng trên đất công, cần phải xử lý bỏ ngay”.

Năm 2013 theo bản đồ Vilap đo đạc hiện trạng sử dụng đất thể hiện số thửa 3672, tờ bản đồ số 8, diện tích 200,2m<sup>2</sup> đứng tên bà Nguyễn Thị T.

Ngày 17/11/2017 UBND xã N ban hành biên bản vi phạm hành chính số 34/BB-VPHC.

Ngày 24/11/2017 UBND xã N ban hành Quyết định 161/QĐ-KPHQ về việc: Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngày 09/12/2017 UBND xã N ban hành Quyết định 188/QĐ-CCXP về việc: Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngày 26/12/2017 UBND xã N lập biên bản kiểm tra hiện trạng trước khi thực hiện cưỡng chế.

Ngày 26/12/2017 UBND xã N thực hiện Quyết định 188/QĐ-CCXP tiến hành cưỡng chế nhà bà Nguyễn Thị T.

Các căn cứ bà T đưa ra để chứng minh cho các yêu cầu hủy 02 Quyết định hành chính số 161 và 188 nêu trên và yêu cầu Chủ tịch UBND xã N phải bồi thường là:

- Chủ tịch UBND xã N ban hành 02 Quyết định hành chính trên đều không đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo các quy định của Luật đất đai số 45/2013/QH13, Luật xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 có hiệu lực ngày 01/7/2013, Nghị định 192/2014/NĐ-CP, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP có hiệu lực ngày 01/7/2014 tại khoản 1 Điều 22 có quy định thu hồi đất vi phạm pháp luật đất đai trước ngày 01/7/2014. Việc thu hồi đất phải thuộc thẩm quyền Chủ tịch UBND huyện Q.

Từ việc áp dụng sai như vậy nên việc ban hành các quyết định hành chính trên đã sai. Gia đình bà T đã sử dụng ổn định, xây dựng nhà kiên cố có quyền sử dụng làm nhà ở và sinh sống hơn 20 năm.

- Khi gia đình bà T xây dựng nhà bà T đã được chính quyền xã N cho phép. Do đó UBND xã N phải bồi thường toàn bộ thiệt hại và bồi thường hỗ trợ tái định cư cho bà T.

\* Người bị kiện là Chủ tịch UBND xã N trình bày:

1. Lý do Chủ tịch UBND xã N ban hành 02 định số 161/QĐ-KPHQ ngày 24/11/2017 và Quyết định số 188/QĐ-CCXP ngày 09/12/2017 đã căn cứ vào Luật xử phạt vi phạm hành chính năm 2012 và căn cứ vào Nghị định 102/2014/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

- Trước khi ban hành quyết định UBND xã đã làm việc với bà Nguyễn Thị T yêu cầu cung cấp hồ sơ giấy tờ liên quan đến thửa đất, bà Nguyễn Thị T chỉ cung cấp được “Đơn xin thuê đất” ngày 16/5/1998, “Biên bản trích Nghị quyết họp thường trực Đảng ủy” ngày 12/10/1998. Bà Nguyễn Thị T có ý kiến ngoài 02 giấy tờ trên bà Nguyễn Thị T không lưu giữ được hợp đồng và biên lai thu tiền.

- Tại buổi làm việc với bà Nguyễn Thị T ngày 05/12/2017 đã nêu rõ thời gian 10 ngày bà Nguyễn Thị T không cung cấp hợp đồng thuê đất coi như bà Nguyễn Thị T không có hợp đồng.

- Tại các biên bản xác minh ngày 12/11/2017 UBND xã N đã làm việc với bà Doãn Thị T là cán bộ văn phòng kiêm thủ quỹ, bà Doãn Thị T có ý kiến có thu 10 triệu đồng của bà Nguyễn Thị T, nhưng HĐND biểu quyết không cho thuê đất, Chủ tịch UBND xã có mời bà Nguyễn Thị T lên trả tiền nhưng bà T không nhận số tiền đó nên đã đưa vào công nợ hàng năm mà tài chính báo cáo trước HĐND.

- Tại biên bản xác minh ngày 17/11/2017 UBND xã N đã làm việc với bà Doãn Thị T (là cán bộ văn phòng kiêm thủ quỹ thời kỳ đó) và ông Tào Văn T (là Ủy viên UBND xã Trưởng ban tài chính xã). Ông Tào Văn T và bà Doãn Thị T khẳng định trường hợp của bà Nguyễn Thị T không có hợp đồng thuê đất và số tiền 10 triệu đồng hàng năm ban tài chính đã đều báo cáo vào khoản công nợ.

- Từ các biên bản xác minh trên UBND xã N đã tiến hành kiểm tra hồ sơ lưu trữ tại xã Ngọc M, qua kiểm tra tại “Văn bản trả lời” số 18/TL/UB ngày 20/4/2001 thì trong văn bản trên có nhắc đến việc UBND xã đã trả tiền bà T, ông N số tiền 10 triệu đồng nhưng ông bà T, Nam không nhận. Hiện tại UBND xã còn lưu giữ được

giấy mời ngày 17/6/2000 và giấy mời ngày 20/6/2000 đã được nhắc tại “Văn bản trả lời” số 18/TL/UB ngày 20/4/2001.

UBND xã N đã tiến hành kiểm tra các sổ liệu tài chính bàn giao và báo cáo các khoản công nợ phải thu, phải trả tại biên bản bàn giao tài chính ngày 30/9/1999 giữa Ban tài chính và bà Nguyễn Thị N là kế toán ngân sách xã thể hiện phần tạm thu vay của bà Nguyễn Thị T 10 triệu đồng là nợ phải trả. Tại các văn bản báo cáo công nợ ngày 30/6/2003 và báo cáo công nợ đến ngày 31/12/2005 thì đều thể hiện khoản 10 triệu đồng của bà Nguyễn Thị T là công nợ phải trả.

Như vậy tại các biên bản xác minh, hồ sơ lưu trữ còn lại không thể hiện việc UBND xã cho bà Nguyễn Thị T thuê đất. Đơn xin thuê đất ngày 16/5/1998 có xác nhận của ông Đỗ Quốc H vào ngày 25/5/1998 nhưng không đóng dấu và tại biên bản trích Nghị quyết ngày 12/10/1998 chỉ là phần chủ trương, không được thực hiện qua hợp đồng thuê đất và số tiền 10 triệu đồng đã được UBND xã mời bà T, ông N lên trả lại nhưng ông bà T, N không nhận được nhắc trong văn bản số 18/TL/UB ngày 20/4/2001.

Về việc UBND xã ban hành 02 quyết định trên và thực hiện là theo đúng quy trình về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

- UBND xã N căn cứ vào các hồ sơ tài liệu xác minh, đối chiếu với quy định tại khoản 8 Điều 3 Luật đất đai năm 2013 quy định: “Nhà nước cho thuê quyền sử dụng đất (sau đây gọi là nhà nước cho thuê đất) là việc nhà nước quyết định trao quyền sử dụng đất cho đối tượng có nhu cầu sử dụng đất thông qua hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất”.

- Căn cứ quy định tại khoản 11 Điều 3 Luật đất đai năm 2013 quy định: “Nhà nước thu hồi đất là việc nhà nước quyết định thu lại quyền sử dụng đất của người được nhà nước trao quyền sử dụng đất hoặc thu lại đất của người sử dụng đất vi phạm pháp luật về đất đai”.

- UBND xã N đối chiếu với quy định tại khoản 8 Điều 3 khoản 11 Điều 3 của Luật đất đai năm 2013 thì trường hợp của bà Nguyễn Thị T không được nhà nước cho thuê QSDĐ và trao quyền sử dụng đất. Việc UBND xã N thiết lập hồ sơ xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai theo Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 là đúng quy định, quá trình thiết lập hồ sơ và thực hiện cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng thẩm quyền.

2. Người khởi kiện yêu cầu UBND xã N bồi thường thiệt hại do các quyết định trên gây ra, gồm:

- Yêu cầu bồi thường tài sản trên đất mức yêu cầu là 312.000.000 đồng (ba trăm mười hai triệu đồng).

Về vấn đề này UBND xã N có ý kiến như sau: Việc bà Nguyễn Thị T không được giao đất cho thuê đất và đã bị xử phạt vi phạm hành chính được nhắc tại văn bản trả lời số 18/TL/UB ngày 20/4/2001 nên việc yêu cầu bồi thường 312.000.000 đồng (ba trăm mười hai triệu đồng) là không có căn cứ.

- Yêu cầu bồi thường thu nhập cho thuê 09 tháng kể từ ngày 24/11/2017 đến ngày sửa đổi đơn khởi kiện, mức yêu cầu là 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

Về vấn đề này UBND xã có ý kiến như sau: Bà Nguyễn Thị T không được nhà nước giao đất cho thuê đất vì vậy việc bà T yêu cầu UBND xã N bồi thường là không có cơ sở.

- Yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với quyền sử dụng đất, đề nghị bố trí tái định cư theo khoản 5 Điều 10 Nghị định 47/2014/NĐ-CP của Chính Phủ.

Vấn đề bà Nguyễn Thị T yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với quyền sử dụng đất UBND xã N có ý kiến như sau:

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 16 Luật đất đai năm 2013 quy định về thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai thì trường hợp bà Nguyễn Thị T không được nhà nước cho thuê đất theo quy định tại khoản 8 Điều 3 Luật đất đai năm 2013 và đối chiếu với với khoản 3 Điều 82 Luật đất đai 2013 thì yêu cầu của bà T là không có cơ sở pháp lý. Vấn đề bà Nguyễn Thị T nêu đề nghị bố trí tái định cư theo khoản 5 Điều 10 Nghị định 47/2014/NĐ-CP của Chính Phủ không thuộc thẩm quyền của UBND xã N.

- Yêu cầu cập nhật lại hồ sơ địa chính, khôi phục đứng tên người sử dụng đất ban đầu cho bà Nguyễn Thị Thu.

Vấn đề này UBND xã N đối chiếu với quy định khoản 3 Điều 20 Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND thành phố H quy định: “Các trường hợp sử dụng đất quy định tại khoản 3 Điều 18 quy định này, không phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt, Ủy ban nhân dân cấp huyện, UBND cấp xã phải xử lý giải tỏa, khôi phục lại tình trạng sử dụng đất ban đầu”.

Như vậy theo quy định trên hiện tại khu vực Dê Ngòi thôn Phú M đã được quy hoạch xây kè lòng ngòi theo kế hoạch, trong đó khu vực đất bà Nguyễn Thị T đề nghị đã được xây kè xong. Việc bà Nguyễn Thị T đề nghị khôi phục đứng tên là không có cơ sở giải quyết.

Việc UBND xã N ban hành Quyết định số 161/QĐ-KPHQ ngày 24/11/2017 và Quyết định số 188/QĐ-CCXP ngày 09/12/2017 là đúng thẩm quyền và đúng quy định của pháp luật. Do vậy, UBND xã N không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Đối với yêu cầu bà T về việc bố trí tái định cư: Không có cơ sở.

UBND xã xác nhận bà Nguyễn Thị T trình bày là đúng về: Nguồn gốc đất, mục đích sử dụng đất (đất hành lang giao thông và hành lang Dê Ngòi do UBND xã N quản lý), quá trình sử dụng đất, diện tích là năm 1994 bà T có thuê của UBND xã N để dựng quán bán hàng 40m<sup>2</sup> trên diện tích là 72m<sup>2</sup> đất, đến năm 1998 tại hội nghị Thường trực Đảng ủy và UBND xã N đã không nhất trí cho bà T thuê.

Lý do Chủ tịch UBND xã N ban hành 02 Quyết định hành chính số 161 và 188 như sau:

Để đảm bảo thực hiện Nghị quyết của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân xã N về việc đầu tư xây dựng cải tạo lòng ngòi thôn Phú M đúng tiến độ, UBND xã đã ban

hành “Thông báo” số 18TL/UB ngày 20/4/2001 cho bà Nguyễn Thị T về việc: “Đất làm quán của gia đình bà T, Nam xây dựng trên đất công, phải cần xử lý bỏ ngay”.

Ngày 14/7/2017 UBND xã đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà T. Ngày 15 và 17 tháng 11/2017 UBND xã N tiến hành xác minh nhưng gia đình bà T không tự tháo dỡ. Ngày 24/11/2017 Chủ tịch UBND xã đã ban hành Quyết định số 161/QĐ-KPHQ và cùng ngày UBND xã N đã giao Quyết định 161 cho bà T. Ngày 27/11/2017 UBND xã N ban hành “Thông báo” số 376A/TB-UBND về việc: “Giải tỏa hành lang an toàn giao thông, đất công tại khu vực Dê Ngòi thôn Phú Mỹ” và yêu cầu gia đình bà T phải tháo dỡ công trình vi phạm trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Ngày 27/11/2017 UBND xã đã giao cho bà T. Ngày 08/12/2017 UBND xã đã tiến hành niêm yết công khai Quyết định số 161/QĐ-KPHQ là đúng trình tự, thủ tục theo Điều 28; khoản 2 Điều 65; Điều 75 và Điều 85 Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 2 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Về nội dung Quyết định 161/QĐ-KPHQ ngày 24/11/2017 là yêu cầu tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên đất công khu vực Dê Ngòi thôn Phú M có chiều rộng là 4m, chiều dài là 7m, diện tích là 28m<sup>2</sup>. Lý do không ban hành quyết định xử phạt là quá thời hạn xử lý vi phạm hành chính. Biện pháp khắc phục là buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm. Thời hạn để bà Nguyễn Thị T thực hiện quyết định là 10 ngày kể từ ngày bà T nhận được quyết định này.

Do gia đình bà Nguyễn Thị T đã cam kết tự tháo dỡ nên UBND xã không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà ra quyết định khắc phục hậu quả. Ngày 27/11/2017 UBND xã đã giao quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả cho bà T nhưng bà T không nhận và ngày 08/12/2017 UBND xã đã tiến hành niêm yết công khai Quyết định số 161/QĐ-KPHQ.

Đến 11 giờ 30 phút ngày 05/12/2017 cán bộ Tư pháp và đại diện UBND xã đã tiến hành kiểm tra việc thực hiện quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả của hộ bà Nguyễn Thị T. Kết quả kiểm tra, hộ bà Nguyễn Thị T vẫn chưa hoàn thành được việc tháo dỡ công trình vi phạm.

Vào hồi 15 giờ ngày 07/12/2017 đại diện các ban ngành của UBND xã N đã đến gia đình bà T vận động thực hiện quyết định khắc phục hậu quả và thời hạn tháo dỡ trước ngày 08/12/2017.

Đến ngày 09/12/2017 Chủ tịch UBND xã N đã ra Quyết định số 188/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị T, thời gian tiến hành cưỡng chế là sau 15 ngày kể từ ngày hộ bà T nhận được quyết định. Ngày 09/12/2017 bà T đã được UBND xã N giao Quyết định số 188, bà T đã ký vào phần cuối quyết định.

Đến 16 giờ ngày 25/12/2017 các ban ngành của UBND xã tiếp tục vận động bà T tháo dỡ công trình vi phạm trước ngày 26/12/2017. Đến 16 giờ 40 phút ngày 26/12/2017 UBND xã đã tiến hành xác minh nhưng bà T vẫn không tự tháo dỡ.

Ngày 21/12/2017 UBND xã N đã có thông báo số 410/TB-UBND về việc tổ chức cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Nguyễn Thị T .

Trước yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc đề nghị Tòa án hủy các Quyết định hành chính số 161 và 188 của Chủ tịch UBND xã N và yêu cầu Chủ tịch UBND xã N phải bồi thường giá trị thiệt hại công trình xây dựng nhà diện tích 72m<sup>2</sup> là 312.000.000 đồng, 9.000.000 đồng tiền thuê nhà, bồi thường thiệt hại đối với quyền sử dụng đất, yêu cầu bố trí tái định, cập nhật hồ sơ địa chính và khoản tiền thuê đất đã trả là 10.000.000 đồng. Chủ tịch UBND xã N không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà T với lý do:

- Về căn cứ ban hành các Quyết định số 161 và 188:
  - + Căn cứ Điều 28; khoản 2 Điều 65; Điều 75; Điều 85; Điều 86 và Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.
  - + Căn cứ khoản 2 Điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ.
  - + Căn cứ Điều 33 Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Do các quyết định hành chính nêu trên được ban hành đúng căn cứ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền của Chủ tịch UBND xã N . Nên không có căn cứ hủy quyết định 161 và quyết định 188 và bồi thường cho bà Nguyễn Thị T như bà yêu cầu. Đây là là quyết định xử lý vi phạm đất đai theo Nghị định 102 của Chính phủ không phải việc thu hồi đất như người khởi kiện yêu cầu.

\* Người làm chứng bà Doãn Thị T trình bày: Năm 1998 bà T1 làm cán bộ Văn phòng, Thống kê và kiêm Thủ quỹ của UBND xã N . Ngày 15/8/1998 bà T1 có viết giấy biên nhận 10.000.000 đồng do bà Nguyễn Thị T nộp theo chỉ đạo của ông Nguyễn Anh T nguyên là Chủ tịch xã và ông T có cùng ký vào giấy biên nhận. Việc viết giấy biên nhận tiền trước (tiền thuê đất khu Dê Ngòi) là do ông T chỉ đạo, nhưng chưa có chủ trương cho thuê và UBND xã chưa có hợp đồng cho bà T thuê đất nên sau năm 1998 UBND xã có gọi bà T lên trả lại tiền nhưng bà T có đến hay không bà T1 không biết. Sau đó ông T có chỉ đạo cho bà T1 nộp quỹ số tiền của bà T bằng phiếu thu số 90, quyển số 3 ngày 23/9/1999 với nội dung thu vay và UBND xã hàng năm vẫn hạch toán số tiền trên vào số nợ vay của bà T .

\* Tại bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HCST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Q đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu hủy các quyết định sau:

- Quyết định số 161/QĐ-KPHQ ngày 24/11/2017 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND xã N , huyện Q , thành phố H ;
- Quyết định số 188/QĐ-CCXP ngày 09/12/2017 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND xã N , huyện Q , thành phố H ;



2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu Chủ tịch UBND xã N phải bồi thường thiệt hại giá trị công trình xây dựng nhà diện tích 40m<sup>2</sup> với tổng số tiền là 312.000.000 đồng và bồi thường 9.000.000 đồng tiền thu nhập cho thuê nhà và yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với quyền sử dụng đất, đề nghị bố trí tái định cư.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí của các đương sự.

\* Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 28/11/2019 bà Nguyễn Thị T nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm

\* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Bùi Trung T người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo và cho rằng bà T hoàn toàn chấp hành các quyết định hành chính của cơ UBND xã N, bà T chỉ yêu cầu được bồi thường theo qui định của pháp luật.

- Ông Nguyễn Văn T, người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND xã N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến, yêu cầu và đề nghị Tòa án bác yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T, sau khi phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xác định bà T hoàn toàn chấp hành các quyết định hành chính của cơ UBND xã N, bà T chỉ yêu cầu được bồi thường theo qui định của pháp luật. Do bản án sơ thẩm có vi phạm về tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Quá trình tham gia tố tụng của các đương sự, quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật Tố tụng hành chính;

+ Về nội dung: Bà T, ông Nam làm nhà trên đất nằm trong Dê Ngòi thôn Phú M, phần đất này là đất công, nằm giữa hành lang giao thông và hành lang thủy lợi. Giấy tờ sử dụng đất không có, xây dựng không phép. Các quyết định hành chính của UBND xã Ngọc M1 được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, nội dung nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T. Quyền và nghĩa vụ dân sự (nếu có) sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở thẩm tra xem xét đầy đủ, toàn diện lời khai của các đương sự và kết luận vụ án của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện 02 quyết định hành chính trong lĩnh vực đất của Chủ tịch UBND xã N, huyện Q.

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 3; Điều 30 và khoản 1 Điều 31 Luật tố tụng hành chính năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Q thụ lý và giải quyết khiếu kiện của bà Nguyễn Thị T theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

- Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 24/11/2017 bà T nhận được Quyết định 161/QĐ-KPHQ ngày 24/11/2017 và ngày 09/12/2017 bà T đã nhận được Quyết định 188/QĐ-CCXP ngày 09/12/2017.

Ngày 24/8/2018, bà T nộp đơn khởi kiện trực tiếp tại Tòa án nhân dân huyện Q và ngày 06/9/2018 bà T bổ sung đơn khởi kiện đối với quyết định 161 và 188 là đảm bảo trong thời hiệu khởi kiện theo quy định điểm a, khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị T :

[2.1] Xét tính hợp pháp của 02 Quyết định số 161/QĐ-KPHQ ngày 24/11/2017 Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định 188/QĐ-CCXP ngày 09/12/2017 Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND xã N do có vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai:

[2.1.1] Xét về thẩm quyền ban hành 02 quyết định trên:

Theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 28; điểm b, d khoản 1 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012 thì Chủ tịch UBND cấp xã có quyền áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả, buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu, phạt tiền không quá 5.000.000 đồng và ra quyết định cưỡng chế.

Theo quy định tại Điều 36 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2016 thì Chủ tịch UBND có thẩm quyền ra quyết định đối với các vấn đề thuộc nhiệm vụ quyền hạn của UBND cấp mình.

Như vậy, việc Chủ tịch UBND xã N ban hành Quyết định số 161/QĐ-KPHQ ngày 24/11/2017 Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định 188/QĐ-CCXP ngày 09/12/2017 Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai là đúng thẩm quyền.

[2.1.2] Về căn cứ, trình tự, nội dung ban hành 02 quyết định trên:

- Về trình tự ban hành:

Để đảm bảo thực hiện Nghị quyết của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân xã N về việc đầu tư xây dựng cải tạo lòng ngòi thôn Phú M đúng tiến độ, UBND xã đã ban hành “Thông báo” số 18TL/UB ngày 20/4/2001 cho bà Nguyễn Thị T về việc: “Đất làm quán của gia đình bà T , ông N xây dựng trên đất công, phải cần xử lý bỏ ngay”.

Ngày 14/7/2017 UBND xã đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà T . Ngày 24/11/2017 Chủ tịch UBND xã đã ban hành Quyết định số 161/QĐ-KPHQ và cùng ngày UBND xã N đã giao Quyết định 161 cho bà T . Ngày 27/11/2017 UBND xã N ban hành “Thông báo” số 376A/TB-UBND về việc: “Giải tỏa hành lang an toàn giao thông, đất công tại khu vực Dê Ngòi thôn Phú M” và yêu cầu gia đình bà T phải tháo dỡ công trình vi phạm trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo.

Quyết định 161/QĐ-KPHQ ngày 24/11/2017 yêu cầu bà T tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trên đất công khu vực Dê Ngòi thôn Phú M có chiều rộng là 4m, chiều dài là 7m, diện tích là 28m<sup>2</sup>.

Kết quả kiểm tra, hộ bà Nguyễn Thị T vẫn chưa hoàn thành được việc tháo dỡ công trình vi phạm.

Đến ngày 09/12/2017 Chủ tịch UBND xã N đã ra Quyết định số 188/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị T, thời gian tiến hành cưỡng chế là sau 15 ngày kể từ ngày hộ bà T nhận được quyết định. Ngày 09/12/2017 bà T đã được UBND xã N giao Quyết định số 188, bà T đã ký vào phần cuối quyết định.

Đến 16 giờ ngày 25/12/2017 các ban ngành của UBND xã tiếp tục vận động bà T tháo dỡ công trình vi phạm trước ngày 26/12/2017. Đến 16 giờ 40 phút ngày 26/12/2017 UBND xã đã tiến hành xác minh nhưng bà T vẫn không tự tháo dỡ.

Ngày 21/12/2017 UBND xã N đã có Thông báo số 410/TB-UBND về việc tổ chức cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Nguyễn Thị T.

- Về căn cứ, nội dung ban hành:

Xét về nguồn gốc đất có công trình do bà T xây dựng trên đất thuộc khu Dê Ngòi, thôn Phú M, xã Ngọc M, huyện Q, thành phố H là đất công, nằm giữa hành lang giao thông và hành lang thủy lợi, thuộc quyền quản lý của UBND xã N. Từ năm 1994 gia đình bà T đã làm quán bán hàng. Năm 1998 gia đình bà T đã bắt đầu tiến hành xây dựng công trình nhà ở bê tông cốt thép. Do công trình xây dựng trái phép, UBND xã N đã ban hành văn bản số 18/TL-UB ngày 20/4/2001 cho bà Nguyễn Thị T về việc: “Đất làm quán của gia đình bà T, ông N xây dựng trên đất công, phải cần xử lý bỏ ngay”.

Ngày 14/11/2017, UBND xã N đã kiểm tra thực tế vi phạm và đã lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà T, yêu cầu gia đình bà T tự giác tháo dỡ công trình. Đến ngày 24/11/2017, Chủ tịch UBND xã N đã ra Quyết định 161 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị T.

Ngày 14/11/2017, cán bộ chuyên môn và đại diện UBND xã N đã lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà T. Bà T đã được thông qua nhưng đã không ký vào biên bản và không phản đối. Người chứng kiến lập biên bản vi phạm hành chính là ông Nguyễn Khắc Q, Trưởng thôn Phú M và ông Nguyễn Khắc H, Phó trưởng thôn Phú M đã ký xác nhận vào biên bản. Do vậy biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai ngày 14/11/2017 đối với bà T đã được lập theo đúng quy định tại khoản 1, 2 Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Việc bà T cho rằng diện tích đất mà bà xây dựng nhà là bà T ê của xã N nhưng không xuất trình được hợp đồng thuê mà chỉ cung cấp Đơn xin thuê đất ngày 16/5/1998 và Biên bản trích Nghị quyết họp thường trực Đảng ủy ngày 12/10/1998:

Hội đồng xét xử xét thấy,

Từ thời điểm 16/5/1998 bà T có đơn xin thuê đất và Đảng ủy xã cũng có sự nhất trí và giao UBND xã N làm hợp đồng cho bà T thuê đất để làm kinh doanh dịch vụ. Trong khi UBND xã N và bà T chưa ký Hợp đồng cho thuê đất thì tháng

12/1998 Hội đồng nhân dân xã N đã không nhất trí cho bà T thuê đất vì không đúng pháp luật và không đúng thẩm quyền.

Do đó, UBND xã N và bà T không ký Hợp đồng cho thuê đất. Khoản tiền 10.000.000 đồng mà bà T nộp cho UBND xã N được xác định là khoản công nợ đối với bà T. Toàn bộ nội dung này được thể hiện trong các tài liệu có trong hồ sơ và bà T hoàn toàn biết. Việc bà T tiếp tục sử dụng, xây nhà tại diện tích đất trên cho đến nay (đất nằm trong Dê Ngòi thôn Phú M, phần đất này là đất công, nằm giữa hành lang giao thông và hành lang thủy lợi), giấy tờ sử dụng đất hợp pháp không có, xây dựng không phép là sử dụng đất không có căn cứ pháp luật.

Do đó, Việc bà T cho rằng diện tích đất mà bà xây dựng nhà không phép là bà xây trên đất thuê của xã N là không có căn cứ.

Với diễn biến nêu trên, việc Chủ tịch UBND xã N ban hành 02 quyết định nêu trên là phù hợp theo Điều 28; khoản 2 Điều 65; Điều 74, 75; Điều 85; điểm d khoản 1 Điều 86 Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 2 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Chủ tịch UBND xã N có 02 Quyết định số 161/QĐ-KPHQ ngày 24/11/2017 Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định 188/QĐ-CCXP ngày 09/12/2017 Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà T là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà T xác định hoàn toàn chấp hành các quyết định hành chính của cơ quan UBND xã N, bà T chỉ yêu cầu được bồi thường theo qui định của pháp luật.

[2.2] Xét yêu cầu đòi bồi thường của bà Nguyễn Thị T buộc Chủ tịch UBND xã N phải bồi thường cho bà T giá trị công trình xây dựng nhà 40 m<sup>2</sup> là 312.000.000 đồng; Bồi thường thu nhập cho thuê lại trong 9 tháng kể từ ngày 24/11/2017 đến ngày sửa đổi đơn khởi kiện, mức yêu cầu 9.000.000 đồng (chín triệu đồng) do đã bị cưỡng chế tháo dỡ và bồi thường về thu hồi đất, hỗ trợ tái định cư thì thấy:

Việc hộ bà T yêu cầu đòi bồi thường do bị cưỡng chế tháo dỡ theo quyết định hành chính hợp pháp của cơ quan có thẩm quyền (như đã phân tích tại phần [2.1]) là do chính hành vi vi phạm trong lĩnh vực đất đai của hộ bà T.

Hơn nữa, trong nội dung Quyết định 188, Chủ tịch UBND xã N đã ấn định thời hạn thực hiện cưỡng chế sau 15 ngày, kể từ ngày hộ bà T nhận được quyết định cưỡng chế, bà T đã nhận Quyết định 188 ngày 09/12/2017.

Ngày 27/12/2017, UBND xã N đã tổ chức lực lượng cưỡng chế thi hành Quyết định 188. Việc tổ chức cưỡng chế quyết định 188 là đúng quy định của pháp luật.

Thực tế, bà T cũng đã sử dụng, khai thác phần nhà, đất này đã trên dưới 20 năm mà không phải đóng một khoản tiền nào cho cơ quan quản lý, nhà nước.

Do vậy, toàn bộ yêu cầu yêu cầu đòi bồi thường của bà T liên quan đến các quyết định hành chính nêu trên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu) bà Nguyễn Thị T nộp tại UBND xã N theo Phiếu thu tiền số 90 ngày 23/9/1999 tại phần chi tiết nội dung thu ghi: “Thu vay của chị T xóm Trại, ( trả tiền TTH phương)” và các tài liệu sổ sách bàn giao của UBND xã N thì khoản tiền này là UBND xã N vay của bà T và xác định là khoản tiền công nợ. Nội dung này UBND xã N đã thông báo, hẹn giải quyết với bà T , ông N nhưng chưa được giải quyết xong.

Do đó dành quyền cho bà T bằng một vụ kiện dân sự khác đối với khoản tiền nêu ở trên.

Hội đồng xét xử thấy cần sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên về nội dung này trong quyết định bản án.

L luận cứ của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị T không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Kết luận của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí: Giữ nguyên về án phí sơ thẩm đối với bà T và bà T không phải chịu án phí Hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1, 2 Điều 3; Điều 30, Điều 31; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 2 Điều 241 và khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ Điều 28; điểm b khoản 1 Điều 38; khoản 1, 2 Điều 58; khoản 2 Điều 65; Điều 74, 75; khoản 1 Điều 85; điểm d khoản 2 Điều 86; điểm a khoản 1 Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

- Căn cứ Điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ;

- Căn cứ Điều 36 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2016;

- Căn cứ khoản 1, khoản 6 Điều 32; khoản 2 Điều 34 và tiết b khoản 1.3 Điều 1 phần II Danh mục án phí lệ phí Tòa án Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

\* Xử: Sửa Bản án hành hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Q và quyết định cụ thể như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu hủy các quyết định sau:

- Quyết định số 161/QĐ-KPHQ ngày 24/11/2017 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND xã N , huyện Q , thành phố H ;

- Quyết định số 188/QĐ-CCXP ngày 09/12/2017 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND xã N , huyện Q , thành phố H ;

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T buộc Chủ tịch UBND xã N phải bồi thường thiệt hại giá trị công trình xây dựng nhà với tổng số tiền là 312.000.000 đồng và bồi thường 9.000.000 đồng tiền thu nhập cho thuê nhà và yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với quyền sử dụng đất, đề nghị bố trí tái định cư.

3. Đối với số tiền 10.000.000 đồng bà Nguyễn Thị T đã nộp tại UBND xã N tại Phiếu thu tiền số 90 ngày 23/9/1999 của UBND xã N sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác khi bà T có yêu cầu.

4. Bác toàn bộ các yêu cầu khác của bà Nguyễn Thị T.

5. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm và 16.050.000 đồng án phí theo giá ngạch đối với yêu cầu đòi bồi thường không được chấp nhận. Tổng số tiền bà T phải nộp là 16.350.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm tại các biên lai số 0010617 ngày 14/12/2018 và 0010949 ngày 17/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q .

Bà Nguyễn Thị T còn phải nộp 15.750.000 đồng (mười năm triệu, bảy trăm lăm mươi nghìn đồng) án phí sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Án xử công khai, phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 30/6/2020./.

**\*Nơi nhận:**

- VKSND TP H;
- TAND huyện Q ;
- VKSND huyện Q ;
- THADS huyện Q ;
- Các đương sự;
- Lưu HS/VP./.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đỗ Quảng O**

